

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TÂN BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/QĐ-UBND

Tân Bình, ngày 02 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu dự toán ngân sách, và kế hoạch hoạt động tài chính khác năm 2025 được Hội đồng nhân dân xã Tân Bình Phê duyệt.

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TÂN BÌNH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 26/12/2024 của HĐND xã Tân Bình kỳ họp lần thứ 9, Khóa XI, nhiệm kỳ 2021 – 2026 về việc phân bổ ngân sách năm 2025.

Theo đề nghị của công chức Tài chính – kế toán xã Tân Bình.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu số liệu dự toán ngân sách và kế hoạch hoạt động tài chính khác năm 2025 được Hội đồng nhân dân xã Tân Bình quyết định (theo các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Công chức Văn phòng thống kê, công chức Tài chính kế toán xã Tân Bình tổ chức thực hiện Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân TP Tây Ninh;
- Phòng Tài chính Kế hoạch TP Tây Ninh;
- Đảng ủy TB;
- HĐND TB;
- Các ban ngành, đoàn thể TB;
- Lưu: VT, ...



Huỳnh Thế Tài

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI	9.918.950.000		9.918.950.000
	Trong đó:			0
	Trong đó: Quỹ lương			0
	Chi chuyển nguồn			0
1	Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	1.839.841.000		1.839.841.000
	- Chi dân quân tự vệ	946.433.000		946.433.000
	- Chi trật tự an toàn xã hội	893.408.000		893.408.000
2	Chi văn hóa, thông tin	353.684.000		353.684.000
3	Chi thể dục, thể thao	13.000.000		13.000.000
4	Chi bảo vệ môi trường	50.000.000		50.000.000
5	Chi các hoạt động kinh tế	333.081.000		333.081.000
	- Giao thông			0
	- Nông - lâm - thủy lợi - hải sản			0
	- Thị chính			0
	- Thương mại, du lịch			0
	- Các hoạt động kinh tế khác			0
6	Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	5.824.090.000		5.824.090.000
6.1	Quản lý Nhà nước	3.366.899.000		3.366.899.000
6.2	Đảng Cộng sản Việt Nam	954.717.000		954.717.000
6.3	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	374.878.000		374.878.000
6.4	Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	195.290.000		195.290.000
6.5	Hội Liên hiệp Phụ nữ	227.811.000		227.811.000
6.6	Hội Cựu chiến binh	267.572.000		267.572.000
6.7	Hội Nông dân	200.475.000		200.475.000
6.8	Chi hỗ trợ khác (nếu có)	236.448.000		236.448.000
7	Chi cho công tác xã hội	53.410.000		53.410.000
	- Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác			0
	- Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa			0
	- Trợ cấp xã hội (Đảm bảo xã hội)			0
	- Khác (ĐTCS, NCC)			0
8	Chi khác	35.224.000		35.224.000
9	Dự phòng	141.599.000		141.599.000
10	Nguồn chưa phân bổ	0		0
11	Tạo nguồn CCTL	528.084.000		528.084.000
12	Bổ sung mục tiêu	746.937.000		746.937.000

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2
	Tổng số thu ngân sách xã	958.000.000	9.918.950.000
	Thu ngân sách xã đã qua kho bạc		
I	Các khoản thu 100%	36.000.000	36.000.000
	- Phí, lệ phí	30.000.000	30.000.000
	Phí, lệ phí hộ tịch		
	Phí, lệ phí chứng thực		
	- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác		
	- Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp		
	- Thu phạt, tịch thu khác theo quy định		
	- Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định		
	- Đóng góp của nhân dân theo quy định		
	- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân		
	- Thu khác	6.000.000	6.000.000
	+ Tiền thu phạt (lĩnh vực khác)		
	+ Thu tịch thu		
	+ Các khoản thu khác		
	+ Tiền chậm nộp thuế thu nhập cá nhân		
	+ Tiền chậm nộp thuế GTGT		
	+ Thu hồi các khoản chi năm trước		
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	922.000.000	7.185.529.000
1	Các khoản thu phân chia	922.000.000	769.162.000
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình	522.000.000	522.000.000
	- Thuế thu nhập cá nhân	182.000.000	29.162.000
	Thuế Giá trị gia tăng không kê hàng nhập khẩu	187.000.000	187.000.000
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp		
	Lệ phí môn bài	31.000.000	31.000.000
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định (Huyện thu xã hưởng)		6.416.367.000
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất		4.623.247.000
	Thuế GTGT không kê hàng nhập khẩu		1.640.000.000
	Thuế tiêu thụ đặc biệt với hàng hóa sản xuất trong nước		
	Thuế Thu nhập doanh nghiệp		153.120.000
	Thu tiền cấp tài nguyên khai thác tài nguyên khoáng sản, vùng trời, vùng biển 1550		
	Thuế thu nhập cá nhân		
	Thu khác		
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)		
IV	- Thu chuyển nguồn CCTL - 70% tăng thu		1.422.400.000
	Thu nguồn năm trước chuyển sang		1.422.400.000
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		

	Thu kết dư ngân sách		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		746.937.000
	- Bổ sung cân đối ngân sách		0
	- Bổ sung có mục tiêu		746.937.000
	Thu ngân sách xã chưa qua kho bạc		
	Thu tạm ứng từ ngân sách cấp trên		
VII	Tạo nguồn CCTL		528.084.000

UBND XÃ TÂN BÌNH

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025*(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)*

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	9.918.950.000	TỔNG SỐ CHI	9.918.950.000
I. Các khoản thu xã hưởng 100 %	36.000.000	I. Chi đầu tư phát triển	
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	7.185.529.000	II. Chi thường xuyên	9.249.267.000
III. Thu bổ sung	746.937.000	III. Dự phòng	141.599.000
- Bổ sung cân đối ngân sách	0		0
- Bổ sung có mục tiêu	746.937.000		
IV. Thu chuyển nguồn	1.422.400.000		
IV. Tạo nguồn CCTL	528.084.000		528.084.000

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo cho tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.

**KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2025***(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)*

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2023			KẾ HOẠCH NĂM 2024		
	(năm hiện hành)			THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)			
TỔNG SỐ						
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách	94.515.000	32.000.000	62.515.000	65.500.000	8.000.000	57.500.000
- Quỹ ngày vì người nghèo	85.000.000	30.000.000	55.000.000	35.000.000	5.000.000	30.000.000
- Quỹ đền ơn đáp nghĩa	5.000.000	2.000.000	3.000.000	6.500.000	3.000.000	3.500.000
- Quỹ Phòng chống thiên tai	4.515.000			24.000.000		
2. Các hoạt động sự nghiệp						
+ Chợ						
+ Bến bãi						

*Ghi chú: Chênh lệch (+) thu lớn hơn chi**Chênh lệch (-) thu nhỏ hơn chi*